

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28-7-2023

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

Nhật phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Nam Anh Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mừng;
2. Ông Siu Thun Phrào.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy-Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà
Trịnh Thị Xây - Kiểm sát viên,

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Rơ Lan H, sinh năm 1987; Vắng mặt

Địa chỉ: Làng Breng 1, xã D, huyện G, tỉnh G;

2. *Bị đơn:* Anh Kpă N, sinh năm 1992; Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh G;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Rơ Lan H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, anh chị tổ chức đám cưới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện G, tỉnh G vào ngày 16/6/2012. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh N không lo làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình. Chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Chị và anh N đã sống ly thân đã lâu. Chị không còn tình cảm yêu thương anh N nữa. Do đó, chị đề nghị quý Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: anh chị có 02 người con chung là cháu Rơ Lan Kpă Y, sinh ngày 04/10/2012 (nam) và Rơ Lan N, sinh ngày 11/5/2020 (nữ).

Hiện các con chung đang sống với chị H. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung là Rơ Lan Kpă Y, sinh ngày 04/10/2012 (nam) và Rơ Lan N, sinh ngày 11/5/2020 (nữ). Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Kpă N: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh N tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Cháu Rơ Lan Kpă Y có nguyện vọng sống với mẹ là chị Rơ Lan H.

Qua xác minh tại địa phương thì anh Kpă N có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh G. Hiện nay anh Kpă N không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng anh N có về trong thời gian ngắn rồi lại đi, anh N không báo với chính quyền địa phương nên không biết anh N đi đâu, làm gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án về cơ bản là đúng pháp luật.

- Về giải quyết vụ án.

Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX xử cho chị Rơ Lan H được ly hôn với anh Kpă N.

Về con chung: Cháu Rơ Lan Kpă Y, sinh ngày 04/10/2012 (nam) và Rơ Lan N, sinh ngày 11/5/2020 (nữ) hiện đang sống cùng chị Rơ Lan H và được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Xét nguyện vọng của cháu Rơ Lan Kpă Y mong muốn được ở với mẹ. Căn cứ theo Điều 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX quyết định giao cháu Rơ Lan Kpă Y, sinh ngày 04/10/2012 (nam) và Rơ Lan N, sinh ngày 11/5/2020 (nữ) cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, buộc chị H phải chịu án phí DSST là 300.0000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 04/4/2023, nguyên đơn là chị H có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh Kpă N và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị H đúng quy định, anh N có nơi cư trú tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh G nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Kpă N (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 của bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh N và yêu cầu khởi kiện của chị H thấy rằng:

Chị H và anh N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện G, tỉnh G vào ngày 16/6/2012. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh N không lo làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu mà không còn liên hệ về tình cảm với nhau nữa. Chị H sinh sống ở xã D, huyện G, tỉnh G, còn anh Kpă N sinh sống ở xã I, huyện C, tỉnh G. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù Tòa án triệu tập lấy ý kiến, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, song anh N đều vắng mặt mà không có lý do. Xét thấy: hôn nhân của chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Chị Rơ Lan H yêu cầu được ly hôn với anh Kpă N là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh N có 02 con chung là cháu Rơ Lan Kpă Y, sinh ngày 04/10/2012 (nam) và Rơ Lan N, sinh ngày 11/5/2020 (nữ). Khi ly hôn, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Xét các cháu Rơ Lan Kpă Y và Rơ Lan N hiện đang ở với chị H và được chị H chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt các con chung, cháu Rơ Lan Kpă Y cũng có nguyện vọng được ở với chị H. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Rơ Lan Kpă Y và Rơ Lan N cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, điểm a và b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Rơ Lan H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Rơ Lan H được ly hôn với anh Kpă N.

2. Về con chung: Giao cháu Rơ Lan Kpă Y và Rơ Lan N cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Rơ Lan H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001323 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện C (02 bản);
- Chi cục THADS huyện C (01 bản);
- Tòa án nhân dân tỉnh G (01 bản);
- UBND xã D, huyện G (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Nam Anh Chính

